**Tuần 26**

 **Thứ hai ngày 10 tháng 3 năm 2025**

**TOÁN**

# TIẾT 126: SO SÁNH CÁC SỐ CÓ BA CHỮ SỐ

 **I. Yêu cầu cần đạt**

- Nhận biết cách so sánh hai số: so sánh số trăm, số chục, số đơn vị. Xếp thứ tự các số, số bé nhất, số lớn nhất.

- Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

- Phẩm chất: yêu nước

**II. Đồ dùng dạy học**

- GV: 3 thẻ trăm, 10 thanh chục và 20 khối lập phương

- HS: bảng con, 2 thẻ trăm, 5 thanh chục và 5 khối lập phương

**III. Các hoạt động dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của giáo viên.*** | ***Hoạt động của học sinh.*** |
| **1.KHỞI ĐỘNG : 3’*****Mục tiêu:*** Tạo không khí lớp học vui tươi, sinh động kết hợp kiểm tra kiến thức cũ. |
| - GV cho HS viết bảng con tổng các trăm chục đơn vị: 43; 48- GV cùng cả lớp nhận xét, đánh giá, dẫn HS vào bài học mới | HS viết bảng con |
| ***2. Hình thành kiến thức mới 30’*****Mục tiêu:** HS so sánh được các số có ba chữ số |
| ***Bước 1: So sánh các số có ba chữ số***- GV cho HS đọc và nhận biết yêu cầu của bài- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm bốn thực hiện các câu a, b, c (mỗi nhóm thực hiện một câu)- GV giúp ba nhóm đại điện trình bày**a) 254 và 257** 254 257- So sánh nhiều hơn, ít hơn.+ Cùng có: 2 thẻ trăm; 5 thanh chục. + Hình bên trái có 4 khối lập phương lẻ, ít hơn 7 khối lập phương lẻ của hình bên phải. + Bên trái có số khối lập phương ít hơn bên phải. - Kết luận: 254 <257 hay 257 >254. - Nói cách so sánh trên hai số cụ thể:**b) 168 và 172**- Cùng có 1 thẻ trăm; 68 khối lập phương ít hơn 72 khối lập phương. + 1 trăm bằng 1 trăm; 6 chục bé hơn 7 chục.**Vậy 168 < 172.** **c) 199 và 213**- Bên trái có 1 thẻ trăm, Bên phải có 1 thẻ trămBên trái có 99 khối lập phương, ít hơn bên phải có 100 khối lập phương - Bên phải có 13 khối lập phương nữa- Bên trái có số lập phương ít hơn bên phải- 1 trăm bé hơn 2 trăm**Vậy 199 < 213****-** GV khái quát hoá cách so sánh các số có ba chữ số:Khi so sánh các số có ba chữ số, ta so sánh từ trái sang phải. • So sánh số trăm, số nào có số trăm lớn hơn là số lớn hơn. • Số trăm bằng nhau thì so sánh số chục, số nào có số chục lớn hơn là số lớn hơn. • Số trăm và số chục bằng nhau thì so sánh số đơn vị, số nào có số đơn vị lớn hơn là số lớn hơn.Lưu ý: số có ba chữ số lớn hơn số có hai (hay một) chữ số.***Bước 2: Trò chơi***- GV chia lớp thành hai đội thi đua, HS viết số theo yêu cầu.- GV viết một số có ba chữ số, số đã cho là 325, đội 1 viết số bé hơn 325; đội 2 viết số lớn hơn 325.- Trò chơi tiếp tục, GV cho HS chơi theo nhóm bốn, HS thay nhau cho số và nói yêu cầu. | - HS nhận biết:+ Dùng  để thể hiện số+ Dựa vào việc so sánh nhiều hơn hay ít hơn (giữa các khối lập phương) để so sánh các số.- HS thảo luận thực hiện- Đại diện các nhóm trình bày theo hướng dẫn của GV- HS vừa nói vừa chỉ tay vào từng cặp chữ số:+ 2 trăm bằng hai trăm + 5 chục bằng 5 chục + 4 đơn vị bé hơn 7 đơn vịVậy 254 < 257- HS lắng nghe và ghi nhớ kiến thức  HS làm vào bảng con- HS lắng nghe GV giới thiệu luật chơi- HS viết số theo yêu cầu của GV- HS chơi theo nhóm bốn |
| **Hoạt động nối tiếp 3’**VN học phần ghi nhớ khi so sánh số có 3 chữ số. | HS thực hiện |

# IV/ Điều chỉnh sau bài dạy

# .....................................................................................................................................................

# .....................................................................................................................................................

**TOÁN**

# Tiết 127: SO SÁNH CÁC SỐ CÓ BA CHỮ SỐ

**I. Yêu cầu cần đạt**

- Nhận biết cách so sánh hai số: so sánh số trăm, số chục, số đơn vị. Xếp thứ tự các số, số bé nhất, số lớn nhất.

- Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

- Phẩm chất: yêu nước

**II. Đồ dùng dạy học**

- GV: 3 thẻ trăm, 10 thanh chục và 20 khối lập phương

- HS: bảng con, 2 thẻ trăm, 5 thanh chục và 5 khối lập phương

**III. Các hoạt động dạy học*:***

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của giáo viên.*** | ***Hoạt động của học sinh.*** |
| **1.KHỞI ĐỘNG : 3’*****Mục tiêu:*** Tạo không khí lớp học vui tươi, sinh động kết hợp kiểm tra kiến thức cũ. |
| - GV cho HS viết bảng con,120,150,170,140 | - HSthực hiện bảng con |
| 1. ***Hình thành kiến thức 12’***

**Mục tiêu:** HS đếm, lập số, đọc, viết, cấu tạo thập phân của các số từ 101 đến 110 |
| ***Bước 1: Đếm từ 101 đến 110***- GV cho HS đếm số khối lập phương trong SGK (đếm từ 100) - GV thông báo: Có một trăm mười khối lập phương | - HS cả lớp đếm- HS đếm số khối lập phương từ 100- HS lắng nghe |
| 1. Thực hành luyện tập 18’

Mục tiêu: HS lập số, phân tích cấu tạo số, viết số, đọc số. |
| **Bài 1:** + GV Lấy 1 thẻ trăm và 1 khối lập phương + GV hỏi: Có 1 trăm, 0 chục và 1 đơn vị được số nào? GV viết các số vào các cột+ GV viết số lên bảng lớp+ GV yêu cầu HS đọc số: một trăm linh một - Hàng thứ hai+ GV yêu cầu HS dựa vào cấu tạo số (theo các cột), lấy 1 thẻ trăm và 5 khối lập phương, viết số, đọc số- Hàng thứ ba + GV yêu cầu HS thực hiện từ phải sang trái: đọc số, viết số, cấu tạo thập phân, thể hiện số bằng 1 thẻ trăm và 9 khối lập phương. + GV sửa bài, gọi nhiều HS nói.**Bài 2:**  GV yêu cầu HS tự tìm hiểu và làm bài vào bảng con. - GV sửa bài, gọi một số HS lên viết trên bảng lớp. GV yêu cầu HS: • Nói giá trị chữ số của một số cụ thể trong bảng. • Viết số theo cấu tạo thập phân của số, chẳng hạn: viết số gồm 1 trăm và 7 đơn vị.- GV nhận xét, tổng kết | - HS lấy một thẻ trăm và 1 khối lập phương- HS trả lời: ta dược số 101- HS viết số lên bảng con- HS đọc số- HS viết số và đọc số- HS đọc giá trị của mỗi chữ số- HS thực hiện - HS nói - HS tìm hiểu và làm bài vào bảng con- HS lên bảng viết và thực hiện yêu cầu của gV- HS lắng nghe |
| **Hoạt động nối tiếp 3’****-**Em học được gì sau bài học?- Nhận xét bài học tiết học, chuẩn bị bài sau | -HS lắng nghe, thực hiện |

# IV/ Điều chỉnh sau bài dạy

# .....................................................................................................................................................

# .....................................................................................................................................................

.....................................................................................................................................................